TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01-11- 2018.
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM,
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bé Tư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cơ Ba**.**

2. Ông Huỳnh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc –Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2018/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị N – sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: ông Võ Châu L (Võ Thanh L) – sinh năm: 1960 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Châu L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, do quen biết nhau trước, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới, bà và ông L sống riêng tư tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà và ông Luôn không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt. Sau đó, bà N về sống với cha mẹ ruột tại ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Ông L có về nhà cha mẹ ruột của bà N để hàn gắn nhưng bà không đồng ý trở về. Bà và ông L ly thân từ năm 2005 cho đến nay.

Nay bà Nguyễn Thị N nhận thấy tình cảm giữa bà và ông L không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Châu L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà N và ông L có một con chung tên: Võ Thị Cẩm T – sinh ngày: 11/8/2000. Khi ly hôn, do cháu T đã thành niên nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà N không yêu cầu toà án giải quyết.

** Tại bản khai ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Châu L (Võ Thanh L) trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Châu L và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, do quen biết nhau trước, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới, ông và bà N sống riêng tư tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông và bà N không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt. Sau đó, bà N về sống với cha mẹ ruột tại ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Ông L có về nhà cha mẹ ruột của bà N để hàn gắn nhưng bà N tránh mặt và không đồng ý trở về chung sống với ông L. Ông và bà N ly thân từ năm 2005 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm giữa ông và bà N đã phai nhạt, không thể hàn gắn sống chung nên ông L đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Lvà bà N có một con chung tên: Võ Thị Cẩm T – sinh ngày: 11/8/2000. Khi ly hôn, do cháu T đã thành niên nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông L không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Ông L không yêu cầu toà án giải quyết.

* Các tài liệu, chứng cứ của vụ án bao gồm: Đơn xin xác nhận (không đăng ký kết hôn); Đơn xin xác nhận (hai tên nhưng là một người); Giấy khai sinh tên Võ Thị Cẩm T (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, do quen biết nhau trước, được cha mẹ hai bên thừa nhận, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân giữ bà N và ông L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà N và ông L cùng trình bày có một con chung tên: Võ Thị Cẩm T– sinh ngày: 11/8/2000. Khi ly hôn, do cháu T đã thành niên bà N và ông L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà N và ông L thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà N và ông L thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân: Bà N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên bố:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Võ Châu L là vợ chồng.

- Về con chung: Có một con chung tên Võ Thị Cẩm T – sinh ngày: 11/8/2000. Khi ly hôn, do cháu Võ Thị Cẩm T đã thành niên bà Nguyễn Thị N và ông Võ Châu L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Châu L thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Châu L thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp tại biên lai số N^{0}0009139

ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Nguyễn Văn Bé Tư

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện V;*
- *THADS huyện V;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:
TÒA
- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện Vũng Liêm;*
- *THADS huyện Vũng Liêm;*
- *UBND xã Trung Hiệp*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Nguyễn Văn Bé Tư

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Hiệp
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Văn Bé Tư